

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ KIM PHƯỢNG**  
Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Kim Phượng, ngày tháng 4 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư**  
**các công trình XDCB năm 2025 xã Kim Phượng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIM PHƯỢNG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND xã Kim Phượng khoá II, kỳ họp thứ 9 nhiệm kỳ 2021-2026 về phê chuẩn dự toán ngân sách xã Kim Phượng năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 10/04/2025 của UBND huyện Định Hóa về việc giao kinh phí hỗ trợ các đơn vị mua xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2024;*

*Căn cứ văn bản số: 12/HĐND - VP ngày 18 tháng 04 năm 2025 của Thường trực HĐND xã Kim Phượng về việc nhất trí giao kế hoạch vốn đầu tư XDCB xã Kim Phượng năm 2025;*

*Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản xã Kim Phượng năm 2025. Tổng số tiền là: 534.176.515 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi tư triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm mười lăm đồng*). Trong đó:

- + Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ mua xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới (Mã CTMT: 20492): 284.656.750 đồng.
- + Nguồn vốn ngân sách xã (nguồn thu tiền sử dụng đất): 249.519.765 đồng

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Các ông (bà) trưởng ban ngành thuộc UBND xã Kim Phụng, chủ đầu tư căn cứ Quyết định giao kế hoạch vốn tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Văn phòng HĐND và UBND, Ban tài chính xã và các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Phòng giao dịch số 3-KBNN khu vực VII
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trương Anh Tú**

Mẫu số: 03/TB-KHĐT

(Kèm theo thông tư số 28/2012/TTBTC

Ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài Chính)

THÔNG BÁO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2025

( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 04 năm 2025 của UBND xã Kim Phượng)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Tên dự án, công trình                                                                     | Mã số dự án đầu tư | Mã ngành kinh tế (loại khoản) | Thời gian khởi công-hoàn thành | Tổng mức đầu tư được duyệt (Hoặc điều chỉnh) |                             | Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước |                             | Kế hoạch năm 2025 |             |                        |                | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|-------------|------------------------|----------------|---------|
|    |                                                                                           |                    |                               |                                | Tổng số                                      | Tróng đó NS cấp trên hỗ trợ | Tổng số                                                    | Tróng đó NS cấp trên hỗ trợ | Tổng số           | Trong đó    |                        |                |         |
|    |                                                                                           |                    |                               |                                |                                              |                             |                                                            |                             |                   | Vốn NS xã   | Vốn NS cấp trên hỗ trợ | Vốn ND đối ứng |         |
| A  | B                                                                                         | 1                  | 2                             | 3                              | 4                                            | 5                           | 6                                                          | 7                           | 8=9+10+11         | 9           | 10                     | 11             | 12      |
|    | TỔNG SỐ:                                                                                  |                    |                               |                                | 1.507.689.304                                | 805.223.149                 | 505.251.564                                                | 505.251.564                 | 534.176.515       | 249.519.765 | 284.656.750            | 0              |         |
| I  | Ngân sách tỉnh hỗ trợ mua xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới (Mã CTMT: 20492) |                    |                               |                                | 1.236.148.230                                | 805.223.149                 | 505.251.564                                                | 505.251.564                 | 284.656.750       | 0           | 284.656.750            | 0              |         |
| 1  | Đường GTNT xóm Bản Ngói, xã Kim Phượng                                                    | 8097558            | 280-292                       | T9/2024-T12/2024               | 239.921.680                                  | 148.478.875                 | 78.800.000                                                 | 78.800.000                  | 69.608.875        |             | 69.608.875             |                |         |
| 2  | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xóm Kim Tân, xã Kim Phượng                                   | 8097559            | 280-292                       | T10/2024-T12/2024              | 246.276.872                                  | 150.544.625                 | 76.600.000                                                 | 76.600.000                  | 73.894.625        |             | 73.894.625             |                |         |
| 3  | Kênh bê tông xóm Kim Tiến, xã Kim Phượng                                                  | 8097554            | 280-283                       | T10/2024-T12/2024              | 396.095.286                                  | 215.694.500                 | 129.100.000                                                | 129.100.000                 | 86.544.500        |             | 86.544.500             |                |         |

|    |                                                        |         |         |                   |                    |             |             |             |                    |                    |            |          |  |
|----|--------------------------------------------------------|---------|---------|-------------------|--------------------|-------------|-------------|-------------|--------------------|--------------------|------------|----------|--|
| 4  | Kênh bê tông xóm Bản Kết, xã Kim Phụng                 | 8097560 | 280-283 | T10/2024-T12/2024 | 159.015.243        | 95.666.000  | 61.300.000  | 61.300.000  | 34.286.000         |                    | 34.286.000 |          |  |
| 5  | Nhà để xe trường THCS Kim Phụng ( điểm trường Kim Sơn) | 8097561 | 070-073 | T9/2024-T12/2024  | 194.839.149        | 194.839.149 | 159.451.564 | 159.451.564 | 20.322.750         |                    | 20.322.750 |          |  |
| II | <b>Ngân sách xã ( nguồn thu tiền sử dụng đất)</b>      |         |         |                   | <b>271.541.074</b> | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>249.519.765</b> | <b>249.519.765</b> | <b>0</b>   | <b>0</b> |  |
| 1  | Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Kim Phụng năm 2024   | 8142980 | 160-161 | T2/2025-T3/2025   | 271.541.074        |             |             |             | 249.519.765        | 249.519.765        |            |          |  |